

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2017/DS-ST

Ngày: 19-10- 2017

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh, bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 11/4/2017 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXX-ST ngày 30/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-DS ngày 21/9/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy N.

Địa chỉ: Số X đường Y, tổ dân phố Z, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị Thúy N là ông Nguyễn Đình B (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2017), có mặt

Địa chỉ: Số M đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

* Bị đơn: Bà Võ Thị Bích T, vắng mặt

Địa chỉ: Số C đường N, tổ dân phố G, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thúy N và đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày có nội dung: Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 27/7/2015 (ngày 12/6/2015 Âm lịch), bà T có vay của bà N số tiền 12.000.000 đồng, hẹn 1 tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi bà T trả nợ xong; lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất của ngân hàng.

Ngày 01/8/2015 (ngày 17/6/2015 Âm lịch), bà T vay tiếp của bà N số tiền 46.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận trả nợ là ngày 20/11/2015, sau đó, bà T đã trả cho bà N số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi, số nợ gốc sẽ được bà T trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân

hàng. Cùng ngày 01/8/2015 (ngày 17/6/2015 Âm lịch), bà T tiếp tục vay của bà N 300 kg cà phê nhân xô, hẹn chậm nhất là ngày 17/11 Âm lịch tới mùa cà phê sẽ trả đủ.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả bà T chỉ mới trả được số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 01/8/2015. Số tiền và cà phê còn nợ lại, bà T không trả cho bà N mặc dù đã được nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho bà N số nợ gốc là 58.000.000 đồng và nợ lãi cụ thể như sau:

$58.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng (từ ngày 01/8/2015 đến ngày 01/4/2017)} \times 0.75\%/\text{tháng} = 8.700.000 \text{ đồng}$ cùng 300 kg cà phê nhân xô. Đề nghị khấu trừ đi số tiền 2.000.000 đồng tiền lãi mà bà T đã trả vào ngày 01/8/2015.

Tổng số nợ gốc và lãi bà N yêu cầu bà T phải trả là 64.700.000 đồng và 300 kg cà phê nhân xô.

Tại phiên tòa, bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất và đề nghị HĐXX tính lại lãi suất của các khoản vay đến thời điểm xét xử, cụ thể:

Đối với số tiền 12.000.000 đồng $\times 25 \text{ tháng } 20 \text{ ngày (từ ngày 27/8/2015 đến ngày 19/10/2017)} \times 0.75\%/\text{tháng} = 2.310.000 \text{ đồng}$

Đối với số tiền 46.000.000 đồng $\times 26 \text{ tháng } 18 \text{ ngày (từ ngày 01/8/2015 đến ngày 19/10/2017)} \times 0.75\%/\text{tháng} = 9.177.000 \text{ đồng}$.

Cụ thể số tiền lãi bà N yêu cầu bà T tính đến thời điểm xét xử của các khoản vay trên là 11.487.000 đồng, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng mà bà T đã trả trước đó, bà T còn phải trả tiếp số tiền lãi là 9.487.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình, cũng như triệu tập tham gia các phiên họp, phiên hòa giải nhưng bà T không chấp hành. Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được thể hiện trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy bà Võ Thị Bích T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử

vắng mặt bị đơn bà T là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy: Vào các ngày 27/7/2015 và ngày 01/8/2015 (tức ngày 12/6 và ngày 17/6/2015 Âm lịch), bà N đã cho bà T vay tổng cộng số tiền 58.000.000 đồng và 300 kg cà phê nhân xô. Khi vay, hai bên đã viết giấy tay và hẹn ngày trả nợ. Tuy nhiên, đến hạn, bà T không chịu trả nợ mặc dù đã được nhiều lần yêu cầu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T nhiều lần đến Tòa án giải quyết nhưng bà T vẫn không đến để tham gia tố tụng tại Tòa án.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà Võ Thị Bích T trong các giấy vay tiền đề ngày 12/6/2015 và ngày 17/6/2015 Âm lịch (tức ngày 27/7/2015 và ngày 01/8/2015 Dương lịch). Tại Kết luận giám định số 33/PC54 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ kí, chữ viết đứng tên Võ Thị Bích T trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết, chữ kí đứng tên Võ Thị Bích T trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người kí và viết ra.

Như vậy việc bà N khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà N số tiền đã vay là 58.000.000 đồng tiền gốc và 300 kg cà phê nhân xô là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

Về lãi suất, bà N yêu cầu bà T phải trả lãi suất tính đến thời điểm xét xử của các khoản vay trên là 11.487.000 đồng, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng mà bà T đã trả trước đó, bà T còn phải trả tiếp số tiền lãi là 9.487.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với khoản vay 12.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 27/7/2015 (ngày 12/6/2015 Âm lịch) thuộc trường hợp vay không có lãi. Do đó, việc bà N yêu cầu bà T phải trả lãi suất đối với thời hạn chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

Đối với khoản vay 46.000.000 đồng thuộc trường hợp vay có lãi, do đó, bà T phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Do đó, đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 5 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy N yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà T. Bà N đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.500.000 đồng để thực hiện việc giám định, chi phí giám định hết 3.900.000 đồng, số tiền còn lại 1.600.000 đồng đã được trả lại cho bà N theo biên bản giao nhận ngày 14/7/2017 tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Kết quả giám định kết luận chứng minh yêu cầu của bà N là có căn cứ nên bà N không phải chịu tiền chi phí giám định. Bà Võ Thị Bích T phải chịu 3.900.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thúy N số tiền 3.900.000 đồng sau khi thu được từ bà Võ Thị Bích T là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà Lê Thị Thúy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Võ Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể là $(67.487.000 \text{ đồng} \times 5\%) + (300 \text{ kg cà phê nhân xô} \times 42.800 \text{ đồng/kg tại thời điểm xét xử} \times 5\%) = 4.016.350 \text{ đồng}$

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 474; khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thúy N, buộc bà Võ Thị Bích T phải trả cho bà N số tiền 67.487.000 đồng (trong đó nợ gốc là 58.000.000 đồng, nợ lãi là 9.487.000 đồng) và 300 kg cà phê nhân xô.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

2. Về chi phí giám định: Bà Võ Thị Bích T phải chịu 3.900.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Thúy N số tiền tạm ứng chi phí giám định là 3.900.000 đồng sau khi thu được từ bà Võ Thị Bích T.

Về án phí: Bà Võ Thị Bích T phải chịu 4.016.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.970.000 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0043277 ngày 10/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trương Kim Chung